

Bản án số: 09/2018/HC-ST

Ngày: 28/9/2018

V/v “*Khiếu kiện quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Minh Tiến

2. Ông Nguyễn Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị D, Thư ký - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Trung, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm theo thủ tục thông thường, vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 29/2017/ TLST-HC, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “ Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Dương Văn N, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm LV, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị HV, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐP, thị trấn BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên

2. Bà Nguyễn Thị TB, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 15, xã TG, huyện TG, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2017)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố SC

Địa chỉ: Phường Thắng Lợi, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào DA– Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (Theo văn bản ủy quyền số 1552/GUQ-CTUBND, ngày 21/9/2018) - có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị D, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm LV, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện hợp pháp: Ông: Hoàng T, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm LV, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/8/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị TN– Cộng tác viên trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Theo quyết định số 280/QĐ-TGPL ngày 17/9/2018 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên) - có mặt.

4. Người làm chứng:

1. Ông Dương Văn K, sinh năm 1939 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố QM, phường BQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Dương Văn B, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm LV, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án như sau:

- ***Người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*** Thửa đất số 107, tờ bản đồ 11-II, diện tích 1.077m² có nguồn gốc do cụ Dương VĐ (là bố đẻ ông N) khai phá từ trước năm 1973; năm 1987 khi ông N xây dựng gia đình và ra ở riêng thì được vợ chồng cụ Điều chia cho thửa đất này để canh tác. Đến năm 1993 vợ chồng bà Dương Thị D và Hoàng Văn Đ (là người cùng xóm) đã sang hỏi vợ chồng ông cho mượn thửa đất này để canh tác. Do điều kiện kinh tế gia đình bà D khó khăn nên vợ chồng ông N đã đồng ý cho vợ chồng bà D mượn thửa đất này để canh tác, khi cho mượn thửa đất các bên chỉ thỏa thuận miệng và không lập giấy tờ gì.

Năm 2004 gia đình ông N đòi lại thửa đất trên thì gia đình bà D đã đề nghị gia đình ông N đổi thửa đất đã mượn năm 1993 để gia đình ông N lấy thửa đất khác tại khu vực Ao Kê. Gia đình ông N không đồng ý và yêu cầu bà D phải trả lại toàn bộ thửa đất trên. Tại thời điểm này gia đình bà D đã đồng ý và không phản đối gì nên gia đình ông N đã tiến hành đào hào và trồng tre, bạch đàn xung quanh thửa đất. Đến đầu năm 2005 bà D thay đổi ý định và cản trở việc khai thác sử dụng thửa đất trên của gia đình ông N, đồng thời có đơn yêu cầu UBND xã TQ giải quyết tranh chấp đất đai.

Quá trình giải quyết và hòa giải tại UBND xã TQ ông N không đồng ý lên đã có đơn đến UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) để giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình bà Dương Thị D. Mặc dù đã nhiều lần đến UBND thị xã SC để yêu cầu giải quyết, nhưng không nhận được văn bản nào của UBND thị xã về việc thụ lý hay giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình bà Dương Thị D.

Đến tháng 5 năm 2017 ông thấy gia đình bà D đang thực hiện trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất nêu trên, thì được Trưởng xóm LV, xã

TQ thông báo cho biết UBND thị xã SC đã ban hành quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Dương Văn N và bà Dương Thị D. Ngày 30/5/2017 ông đã làm đơn khiếu nại đến UBND thành phố SC và được Ban tiếp công dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố SC hướng dẫn ông khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Sau khi nhận được Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của Chủ tịch UBND thị xã SC và báo cáo kết luận số 52/BCK1-TNMT ngày 10/4/2005 của Phòng tài nguyên và môi trường thị xã SC, ngày 29/9/2017 ông đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên - yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã SC về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Dương Văn N và bà Dương Thị D ở LV, xã TQ; đề nghị Tòa án kiến nghị UBND thành phố SC cách thức xử lý đối với quyết định hành chính bị tuyên hủy.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người khởi kiện và đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã SC về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Dương Văn N và bà Dương Thị D ở LV, xã TQ bởi các căn cứ sau:

- Thứ nhất: Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 107, Tờ bản đồ 11-II, diện tích 1.077m² do ông Dương VĐ (là bố đẻ của ông Dương Văn N) khai phá và sử dụng liên tục từ năm 1973, đến năm 1987 Hợp tác xã BQ có chủ trương khai hoang trồng sắn trên các thửa đất để canh tác trên địa bàn, những thửa đất tại khu AM (trong đó có thửa 107 – TĐĐ 11-II) là đất đồi, ít màu mỡ và khó canh tác lên không đưa vào dự án. Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của UBND thị xã SC cho rằng thửa đất này đã bị Hợp tác xã QM thu hồi để trồng sắn sau đó bỏ hoang và gia đình bà D đã khai hoang phục hóa là không có căn cứ.

- Thứ hai: Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai: Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai Ủy ban nhân dân thị xã SC không có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai của các bên tranh chấp, không có biên bản hòa giải không thành của Ủy ban nhân dân cấp xã; thực chất đơn yêu cầu của ông N là khiếu nại việc giải quyết tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân xã TQ; thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai vi phạm Điều 136 Luật đất đai năm 2003 và Điều 160 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ; ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trái thẩm quyền quy định tại Điều 136 Luật đất đai 2003; sau khi ban hành quyết định không tổng đạt hợp lệ cho gia đình ông N quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006.

- Thứ ba: Về hồ sơ, tài liệu để công nhận quyền sử dụng đất: Cả gia đình bà D và ông N đều không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 5 của Điều 50 Luật đất đai năm 2003, không nộp thuế sử

dụng đất, cùng chiếm hữu, khai thác sử dụng thửa đất. Quá trình giải quyết không thành lập và có ý kiến của Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai, nhưng UBND thị xã SC đã công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà D là thiếu căn cứ pháp lý quy định tại Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, người khởi kiện đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm:

1. Bản sao Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của UBND thị xã SC về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Văn N và hộ bà Dương Thị D ở LV, xã TQ

2. Bản sao Báo cáo số 52/BCK1-TNMT ngày 10/4/2005 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường thị xã SC.

3. Biên bản xác minh giữa bà Phạm Thị HV đối với ông Dương Văn K, Dương Văn B, Vũ Thị C, Dương Văn S và Dương Thị H ngày 22/11/2017

4. Bản sao Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và một số tài liệu khác có liên quan chứng minh quyền khởi kiện.

- **Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:** Năm 2004 ông N có đơn đòi lại của bà Dương Thị D diện tích 1.077m² đất rừng tại thửa 107 –TBĐ 11-II vì cho rằng thửa đất này do gia đình ông cho gia đình bà D mượn từ năm 1993. Sau khi các hộ xảy ra tranh chấp UBND xã TQ đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, ngày 23/3/2005 UBND xã TQ đã ban hành Thông báo số 01/TB-UBND kết luận tạm thời cho bà Dương Thị D tiếp tục sử dụng thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, ông N không N trí với thông báo của UBND xã TQ, nên đã có đơn đề nghị UBND thị xã SC giải quyết đòi lại diện tích 1.077m² đất rừng tại thửa 107 –TBĐ 11-II.

Quá trình giải quyết: Phòng tài nguyên và môi trường phối hợp với UBND xã TQ tiến hành xác minh về hiện trạng sử dụng đất – xác định: Hiện trạng sử dụng đất có cây Bạch đàn, cây ăn quả xem kẽ trồng màu và bụi tre làm hàng rào do gia đình bà D đang quản lý, sử dụng; gia đình ông N không có cây cối và tài sản trên đất.

- Về nguồn gốc đất: Thửa đất này do ông Dương VĐ (là bố đẻ ông N) khai phá từ năm 1973, đến năm 1977 Hợp tác xã QM quản lý sử dụng để trồng sắn sau đó bỏ hoang; từ năm 1980 gia đình bà D khai hoang, phục hóa và sử dụng ổn định đến năm 2004 thì xảy ra tranh chấp.

- Về hồ sơ, giấy tờ sử dụng đất: Tại thời điểm giải quyết tranh chấp đất đai hộ ông Dương Văn N và bà Dương Thị D đều không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 của Điều 50 Luật đất đai năm 2003, không nộp thuế sử dụng đất. Do đó, ngày 20/01/2006 Ủy ban nhân dân thị xã SC (nay là thành phố SC) ban hành Quyết định số 90/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Văn N và hộ bà Dương Thị D ở LV, xã TQ– nội dung: bác đơn yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của hộ ông Dương Văn N đối với

diện tích 1.077m² tại thửa 107 - TĐĐ 11-II xã TQLà đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình sử dụng đất của các bên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên lời trình bày như văn bản nêu ý kiến ngày 12/3/2018 và cho rằng Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của UBND thị xã SC ban hành có sơ xuất về hình thức và thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định. Tuy nhiên việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà D là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:** Thừa nhận phần diện tích đất 1.077m² tại thửa 107 – TĐĐ 11-II xã TQ do ông Dương VĐ khai phá, đến năm 1977 Hợp tác xã QM quy hoạch để trồng sản được khoảng 02 năm thì bỏ hoang. Từ năm 1980 gia đình bà D đã phục hóa và sử dụng ổn định cho đến nay. Việc ông N cho rằng gia đình bà D mượn thửa đất trên của gia đình ông N là không đúng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị D trình bày: Đánh giá tính hợp pháp của quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của UBND thị xã SC về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn ban quyết định theo quy định của pháp luật thì đã rõ. Tuy nhiên: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì bà D là người sử dụng đất ổn định, lâu dài, quá trình sử dụng đất phù hợp với quy hoạch và hiện trạng sử dụng đất. Việc ông N cho rằng gia đình bà D mượn thửa đất trên của gia đình ông N là không có cơ sở. Căn cứ vào Luật đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai để cấp quyền sử dụng đất, Chủ tịch UBND thị xã SC ban hành quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 công nhận quyền sử dụng đất cho bà D là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu về quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, việc thu thập các tài liệu chứng cứ đã đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã SC “*về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Dương Văn N và bà Dương Thị D ở LV, xã TQ*” ban hành là trái thẩm quyền; vi phạm về thời hạn, thời hiệu giải quyết tranh chấp đất đai. Các căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất cho các bên không đảm bảo căn cứ pháp lý quy định tại Luật đất đai năm 2003 và Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N là có căn cứ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 136 của Luật đất đai năm 2003; Điều 160, Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã SC về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Văn N và bà hộ bà Dương Thị D ở LV, xã TQ.

2. Về án phí: Chủ tịch UBND thành phố SC phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Theo nội dung đơn khởi kiện đề 19/9/2017, ông Dương Văn N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã SC về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Dương Văn N và bà Dương Thị D ở LV, xã TQ (viết tắt là Quyết định 90/QĐ-UB) - xác định đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Về thời hiệu khởi kiện: Tháng 5/2017, ông Dương Văn N biết được bà D đang làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 1.077m² tại thửa 107- TBĐ 11-II thì liên hệ với UBND xã TQ, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố SC thì nhận được quyết định số 90/QĐ-UB; ngày 22/9/2017 ông có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính, nên được chấp nhận và xem xét theo quy định.

[2]. **Về nội dung:** Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về hình thức: Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã SC về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Dương Văn N và bà Dương Thị D ở LV, xã TQ ban hành dưới dạng quyết định là thực hiện đúng theo quy định tại Điều 136 Luật đất đai năm 2003 và Điều 160 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

2.2. Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Theo hồ sơ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án xác minh thấy rằng: Phần diện tích 1.077m² do hộ ông Dương Văn N và bà Dương Thị D tranh chấp thuộc thửa 107- TBĐ 11-II, diện tích 20.400m²; phần diện tích đất này các bên chưa được nhà nước cấp giấy chứng

nhận và không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Do đó, khi xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng đất thì căn cứ vào Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai.

“Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 quy định:

Tranh chấp đất đai đã được hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn mà một bên hoặc các bên đương sự không N trỉ thì được giải quyết như sau:

1.

2. *Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này được giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết lần đầu mà một bên hoặc các bên đương sự không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....”.*

“Điều 160 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định:

Tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai thì các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan hành chính để được giải quyết. Cơ quan hành chính các cấp giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định sau:

1. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết đối với tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau.”*

Đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Văn N và bà Dương Thị D đối với phần diện tích đất 1.077m², tại thửa 107 -TĐĐ 11-II là của Chủ tịch UBND thị xã SC (nay là thành phố SC). Việc UBND thị xã SC thụ lý, giải quyết và ban hành quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 là trái thẩm quyền – vi phạm khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 160 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

2.3. Về trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai:

- *Về trình tự, thủ tục:* Vụ việc tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Văn N và bà Dương Thị D đối với phần diện tích đất 1.077m², tại thửa 107- TĐĐ 11-II đã diễn ra từ năm 2004 và kéo dài nhiều năm, một số tài liệu hồ sơ liên quan đến việc giải quyết tranh chấp cơ quan quản lý nhà nước không còn lưu giữ và bị thất lạc. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thấy rằng: Sau khi bà Dương Thị D có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, UBND xã TQ đã tiến hành hòa giải, nhưng do các bên không thống nhất nên UBND xã TQ đã ban hành Thông báo số 01/TB-UB ngày 23/3/2005, nội dung kết luận về hiện trạng tài sản trên đất và nguồn gốc đất, tạm thời bà D vẫn canh tác, sử dụng và hướng dẫn các bên làm đơn lên cấp trên (Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã SC) để được giải quyết. Ông Dương

Văn N có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, UBND thị xã SC đã thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai và giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, phối hợp với UBND xã TQ xác minh rồi ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 135 Luật đất đai năm 2003 và Điều 159 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

- *Về thời hạn thời hiệu:* Tại khoản 2 Điều 135 Luật đất đai năm 2003 và mục 4 phần IV Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai quy định:

“Điều 135 Luật đất đai năm 2003:

2.

Thời hạn hoà giải là ba mươi ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nhận được đơn”.

Mục 4 phần IV – Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT:

4. Về thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất

.....

4.2. Thời hạn giải quyết tranh chấp lần đầu là không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của các bên tranh chấp.

4.3. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết lần đầu, nếu không đồng ý thì các bên tranh chấp có thể gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết tranh chấp lần cuối cùng, quá thời hạn trên sẽ không được tiếp nhận đơn xin giải quyết tranh chấp...”

Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai tại UBND thị xã SC: Ngày 05/4/2005 UBND thị xã SC nhận đơn đề nghị ông Dương Văn N có nội dung đòi lại quyền sử dụng đất và xem xét lại việc UBND xã TQ giải quyết đất bãi cho gia đình bà D đúng hay sai. Sau khi tiếp nhận được đơn yêu cầu giải quyết, ngày 07/10/2005 và 20/10/2005 Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã SC phối hợp với UBND xã TQ tiến hành điều tra, xác minh thực địa. Tuy nhiên đến ngày 20/01/2006 UBND thị xã SC ban hành quyết định số 90/QĐ-UB “*V/v giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Văn N và hộ bà Dương Thị D ở LV, xã TQ*” là quá thời hạn quy định tại Điều 135 Luật đất đai năm 2003 và mục 4 phần IV Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sau khi ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, UBND thị xã SC không tiến hành bàn giao hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các bên đương sự biết, để thực hiện quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp theo hoặc triển khai việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Dẫn đến vụ việc khiếu kiện kéo dài, chưa giải quyết dứt điểm.

2.4. Về căn cứ công nhận quyền sử dụng đất và nội dung quyết định giải quyết tranh chấp đất đai:

Theo hồ sơ và các tài liệu chứng cứ do UBND thị xã SC thu thập được xác định: Nguồn gốc phần đất diện tích đất $1.077m^2$, tại thửa 107- TBĐ 11-II do cụ Dương VĐ (là bố của ông N khai phá), sau khi hợp tác xã QM không sử dụng nữa thì gia đình bà D sử dụng trồng cây bạch đàn và một số cây hoa màu khác. Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất giữa các bên có sự mâu thuẫn, tuy nhiên cơ quan giải quyết tranh chấp đất đai chưa làm rõ được căn cứ chiếm hữu, sử dụng đất của gia đình bà D, không có ý kiến của Hội đồng tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai; căn cứ xác định sự phù hợp của hiện trạng sử dụng đất đang có tranh chấp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết đã được xét duyệt, bình quân diện tích đất cho một nhân khẩu tại địa phương.... Do đó, chưa đủ cơ sở để công nhận quyền sử dụng đất theo các căn cứ quy định tại Điều 161 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

- Về nội dung: Tại Điều 1, Điều 2 của Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của UBND thị xã SC có nội dung:

“Điều 1: ... Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Dương Thị D đối với thửa đất số 107, tờ bản đồ 11 – II, diện tích $1.077m^2$ loại đất rừng.

Điều 2: Giao cho phòng Tài nguyên & Môi trường thị xã, UBND xã TQ, xóm LV căn cứ biên bản xác định diện tích hiện trạng sử dụng đất ngày 20/10/2005, hướng dẫn hộ bà D kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.”

Tuy nhiên, căn cứ vào bản đồ địa chính, biên bản xác minh của UBND xã TQ và Phòng Tài nguyên môi trường thị xã SC thấy rằng: Phần diện tích đất do hộ ông N và bà D tranh chấp ($1.077m^2$) chỉ là một phần của thửa đất số 107 – TBĐ 11-II. Thửa đất số 107 – TBĐ 11-II có diện tích là $20.400m^2$, ngoài gia đình bà D sử dụng phần diện tích đất trên thì còn có một số hộ dân khác sử dụng. Do đó, Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006 của UBND thị xã SC *“công nhận cho hộ bà D đối với thửa 107, tờ bản đồ 11 – II, diện tích $1.077m^2$ ”* là chưa chính xác.

Tại biên bản xác minh ngày 20/10/2005 do Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND xã TQ lập xác định được phần diện tích đất tranh chấp có diện tích là $1.077m^2$, có thể hiện được kích thước của các cạnh theo sơ đồ diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, không thể xác định được tứ cận vị trí tranh chấp, phần diện tích đất này nằm ở vị trí nào của thửa 107 – TBĐ 11-II; trên hệ thống bản đồ địa chính thửa 107 – TBĐ 11-II đã được tách thành 04 thửa đất khác nhau, nhưng xác minh tại UBND xã TQ sổ địa chính không ghi chép và thể hiện được việc biến động đất đai, không cập nhật thông tin và chỉnh lý trên bản đồ giấy. Do vậy, không có thông tin về việc biến động đất đai và cấp giấy chứng nhận cho ai liên quan đến thửa 107- TBĐ 11-II. Việc công nhận quyền sử dụng đất cho một bên tranh chấp nhưng không xác định được vị trí tranh chấp, hiện trạng sử dụng đất trong thời gian dài đã có sự biến động, do đó không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được công nhận quyền sử dụng đất theo Điều 2 Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 20/01/2006.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N, hủy quyết định số 90/QĐ-UB, ngày 20/01/2006 của UBND thị xã SC *“v/v giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Văn N*

và hộ bà Dương Thị D ở LV, xã TQ” để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 50, Điều 135, Điều 136 của Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai; Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N, hủy quyết định số 90/QĐ-UB, ngày 20/01/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã SC (nay là thành phố SC) về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Văn N và hộ bà Dương Thị D ở LV, xã TQ.

2. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố SC thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố SC phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Dương Văn N 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018463, ngày 10/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên;*
- *TAND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhài

